

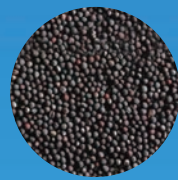
Tháp sấy ngũ cốc tuần hoàn SUNCUE

CPR-165 / CPR-390

- Nhiệt độ sấy thấp, mẻ sấy đều và thời gian sấy nhanh chóng giúp giảm thiểu hạt bị gãy và tạo ra hạt đẹp.
- Toàn bộ thiết bị đều được thiết kế sản xuất kiên cố, bền bỉ, thiết kế chuyên để sử dụng với tần suất hoạt động lâu dài.
- Với thiết kế chắc chắn, người dùng có thể sấy hạt chất lượng cao đồng đều từ mẻ thứ 1, thứ 100 đến mẻ thứ 1000. Ngũ cốc có chất lượng cao phù hợp sẽ được cung cấp cho khách hàng.
- Tự động kiểm soát độ ẩm, phòng tránh sấy vượt quá độ ẩm yêu cầu dẫn đến tổn thất.
- Sử dụng phế phẩm trấu làm nguyên liệu đốt, không cần mua dầu, khí hoá lỏng, nguyên liệu đốt khác.



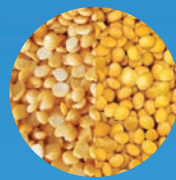
Ngô



Hạt cải dầu



Thóc



Xung



CPR-165



CPR-165+CL-10Hx1
Dạng nằm



CPR-390



CPR-390+CL-10Hx2
Dạng nằm



CPR-390B

Các dòng máy	Nguyên liệu đốt	Dầu Diesel	Khí hoá lỏng	Trấu	Vật liệu sinh khối	Sấy hơi	Đa dụng 2 nguyên liệu đốt dầu Diesel và trấu	Đa dụng 2 nguyên liệu đốt khí gas và trấu	Số lượng máy CL-10 sử dụng
CPR-165	●	●	●	●	●	●	—	—	1
CPR-390	●	●	●	●	—	—	●	●	2

Danh hiệu và thành tựu của công ty SUNCUE

Gold medal
at the iENA 2012
in Nuremberg, Germany



World Genius Convention 2013 in Tokyo, Japan
Special Genius Award Genius Gold Medal



Invention and Creation
Awards of Taiwan-
Contribution Award



Invention Award
of Taiwan



TAIWAN
EXCELLENCE
2021



TAIWAN
EXCELLENCE
2021



Đặc điểm

- Thiết kế đặc biệt cho phân sấy để tối ưu hóa cả hiệu quả và độ khô đều.
- Khoang sấy lớn, sấy nhanh, tiết kiệm điện, chất lượng hạt cao cấp.
- Được trang bị nhiều thiết bị phân phối và van quay để điều chỉnh chu kỳ tuần hoàn, đảm bảo sấy khô ngũ cốc đồng đều.
- Nguồn nhiệt sử dụng sinh khối (trấu), với khả năng kiểm soát nhiệt độ ổn định hoàn toàn tự động. Hệ thống này giúp tăng hiệu quả sấy, cải thiện chất lượng sấy và giảm đáng kể tổng chi phí sấy.
- Hệ thống giám sát hoạt động an toàn: bảo vệ quá tải động cơ, cầu chì điều khiển, còi báo đầy tải, công tắc áp suất không khí, cảm biến ngọn lửa, cảm biến quá nhiệt, thiết bị an toàn khi sấy quá mức trong CS-R.

Thông số kỹ thuật						Dầu Diesel · Khí gas			
Hạng mục		Các dòng máy		CPR-165 Nhiệt độ thấp		CPR-165 Nhiệt độ cao		CPR-390	
Nguyên liệu đốt			Dầu hoả hoặc diesel*						
Lượng nhiên liệu tiêu thụ		Lit/giờ (Khoảng)		8.8~23		17.5~27		27~54	
Công suất kg (Khoảng)	Thóc	1 Lit=560 gram		6,500~13,250		—		14,800~32,100	
	Hạt cải dầu	1 Lit=680 gram		7,500~16,320		—		18,000~39,000	
	Lúa mì	1 Lit=680 gram							
	Xung, Ngô	1 Lit=690 gram		7,500~16,350		18,300~39,600			
Kích thước máy Dài×Rộng×Cao (A)×(B)×(C) mm	Không gồm máy CL-10		5,007×2,745×9,671				6,385×4,820×13,694		
	Gồm máy CL-10	Dạng nằm	8,012×2,745×9,671				8,765×4,820×13,694		
		Dạng đứng	Vui lòng liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng				Vui lòng liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng		
Trọng lượng máy kg (Khoảng)	Không gồm máy CL-10		3,170				9,500		
	Gồm máy CL-10	Dạng nằm	3,718				10,500		
		Dạng đứng	Vui lòng liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng				Vui lòng liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng		
Điện năng tiêu thụ kW	Không gồm máy CL-10		6.45				13.8		
	Gồm máy CL-10		10.25				21.4		
Tính năng	Thời gian vào thóc Phút (Khoảng)		Thóc 66 · Hạt cải dầu/Xung 60		Xung/Ngô 75		Thóc 56 · Hạt cải dầu/Xung 67		
	Thời gian ra thóc Phút (Khoảng)		Thóc/Hạt cải dầu/Xung 65		Xung/Ngô 70		Thóc 51 · Hạt cải dầu/Xung 60		
	Tốc độ sấy %/giờ	Lúa thượng phẩm	0.5~1.2		Xung/Ngô 1.0~2.0		0.5~1.2		
		Lúa giống	Thóc/Lúa mì 0.2~1.0·Hạt cải dầu 0.1~0.5		—		Thóc/Lúa mì 0.2~1.0·Hạt cải dầu 0.1~0.5		
Loại máy đốt			Hình Súng						
Điện áp			3Pha, 220V/380V/415V/440V, 50/60Hz						
Các bộ phận an toàn			Role nhiệt, Đóng mở áp lực gió, Bảo động khối lượng đầy, Đóng mở định kỳ, Sensor cảm ứng máy đốt, Cầu chì bảo vệ, Sensor nhiệt độ bất thường						

*Chủ ý nguyên liệu đốt như dầu Diesel, dầu hoả cần phải đảm bảo có chất lượng cao.

Hạng mục		Các dòng máy		CPR-165G		CPR-390G	
Nguyên liệu đốt				LPG		NG	
Lượng nhiên liệu đốt cao nhất (Khoảng)				25 kg/giờ		27.3 m³/giờ	
Công suất kg (Khoảng)	Thóc	1 Lít=560 gram	6,500~13,250		14,800~32,100		
	Hạt cải dầu	1 Lít=680 gram	7,500~16,320		18,000~39,000		
	Lúa mì	1 Lít=680 gram	7,500~16,350		18,300~39,600		
	Xung, Ngô	1 Lít=690 gram	5,007×3,210×9,671		6,385×4,820×13,694		
Kích thước máy Dài×Rộng×Cao (A)×(B)×(C) mm	Không gồm máy CL-10		8,012×3,210×9,671		8,765×4,820×13,694		
	Gồm máy CL-10	Dạng nằm	Vui lòng liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng		Vui lòng liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng		
		Dạng đứng	3,170		9,500		
Trọng lượng máy kg (Khoảng)	Gồm máy CL-10	Dạng nằm	3,718		10,500		
		Dạng đứng	Vui lòng liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng		Vui lòng liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng		
	Điện năng tiêu thụ kW	Không gồm máy CL-10		6.6		14.2	
Gồm máy CL-10		10.4		21.8			
Tính năng	Thời gian vào thóc Phút (Khoảng)		Thóc 66 · Hạt cải dầu/Xung 60		Thóc 56 · Hạt cải dầu/Xung 67		
	Thời gian ra thóc Phút (Khoảng)		Thóc/Hạt cải dầu/Xung 65		Thóc 51 · Hạt cải dầu/Xung 60		
	Tốc độ sấy %/giờ	Lúa thượng phẩm	Thóc/Lúa mì/Hạt cải dầu 0.5~1.2 · Xung/Ngô 1.0~2.0		0.5~1.2		
		Lúa giống	Thóc/Lúa mì 0.2~1.0 · Hạt cải dầu 0.1~0.5		Thóc/Lúa mì 0.2~1.0 · Hạt cải dầu 0.1~0.5		
Loại máy đốt				Hình Súng			
Điện áp				3Pha, 220V/380V/415V/440V, 50/60Hz			
Các bộ phận an toàn				Role nhiệt, Đóng mở áp lực gió, Bảo động khối lượng đầy, Đóng mở định kỳ, Sensor cảm ứng máy đốt, Cầu chì bảo vệ, Sensor nhiệt độ bất thường			

- Tốc độ sấy là biểu tham khảo, thực tế còn phụ thuộc vào thời tiết, độ ẩm môi trường, sản phẩm cần sấy, nhiệt độ gió nóng và độ ẩm trước và sau khi sấy. Giá định độ ẩm thóc từ 26% đến 15%, độ ẩm lúa mì và ngô từ 30% đến 12.5%.
- Khi sấy gạo, nên sấy ở nhiệt độ thấp để tránh tỷ lệ gạo gãy tăng. ● Việc xây dựng đường ống khi đốt tự nhiên phải được thực hiện bởi các chuyên gia của công ty khi đốt tự nhiên địa phương và không thể tự mình lắp đặt.
- Thông số kỹ thuật của đầu đốt nêu trên là tiêu chuẩn Nhật Bản (Nhiệt năng: NG 11.000 Kcal/m³; LPG 12.000 Kcal/kg). Vui lòng tham khảo ý kiến của SUNCUE về đầu đốt đạt tiêu chuẩn CE.
- Bảng nhiệt độ sấy yêu cầu chỉ mang tính tham khảo. Dữ liệu thực tế sẽ khác nhau giữa các loại hạt, tỷ lệ tạp chất và điều kiện sấy khô.
- Các bản vẽ và thông số kỹ thuật chỉ mang tính chất tham khảo.Thông số kỹ thuật của sản phẩm thực tế dựa trên các đơn đặt hàng đã ký của khách hàng và các lô hàng thực tế.
- Loại da dụng dùng đầu nhiên liệu/trấu thô khi tự nhiên/trấu thô loại da dụng được sản xuất theo đơn đặt hàng. ●Nếu sử dụng đơn lẻ máy CL-10 KHÔNG kết hợp với hệ thống gom bụi tổng, khách hàng cần tự trang bị túi đựng bụi.
- Dựa vào đồng tháp sấy và đồng máy hút bụi cyclon CL-10, để lựa mua lan can, tấm chắn mưa, khoang thoát gió, ống thoát gió, giá đỡ, lan can bao trì thích hợp, v.v.

Bản vẽ kích thước		đơn vị mm
CPR-165 Series		
CPR-165 / CPR-165G CPR-165B CPR-165S		+CL-10H×1 Dạng nằm

Bản vẽ kích thước				đơn vị mm
CPR-390 Series				
CPR-390 CPR-390G		+CL-10H×2 Dạng nằm	CPR-390B	+CL-10H×2 Dạng nằm

Thông số kỹ thuật Trấu · Sấy hơi					
Hạng mục		Các dòng máy		CPR-165B	CPR-390B
Nguyên liệu đốt				Lò đốt sinh khối SUNCUE BB-18 / Lò đốt trấu SB	Lò đốt trấu SUNCUE SB
Công suất kg (Khoảng)	Thóc	1 Lít=560 gram		6,500~13,250	14,800~32,100
	Hạt cải dầu	1 Lít=680 gram		7,500~16,320	18,000~39,000
	Lúa mì	1 Lít=680 gram			
	Xung, Ngô	1 Lít=690 gram		7,500~16,350	18,300~39,600
Kích thước máy Dài×Rộng×Cao (A)×(B)×(C)mm	Không gồm máy CL-10			5,565×2,675×9,671	7,990×4,820×13,694
	Gồm máy CL-10	Dạng nằm	Dạng đứng	8,570×2,675×9,671	10,370×4,820×13,694
Trọng lượng máy kg (Khoảng)	Không gồm máy CL-10			3,420	10,500
	Gồm máy CL-10	Dạng nằm	Dạng đứng	3,968	11,500
	Vui lòng liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng			Vui lòng liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng	
Nhiệt lượng cần (Khoảng) mỗi cái máy	Thóc · Hạt cải dầu · Lúa mì			36,000~145,000	83,000~330,000
	Xung · Ngô			36,000~235,000	560,000
Điện năng tiêu thụ kW	Không gồm máy CL-10			7.7	16.84
	Gồm máy CL-10			11.5	24.44
Tính năng	Thời gian vào thóc Phút (Khoảng)			Thóc 66 · Hạt cải dầu/Xung 60	Thóc 56 · Hạt cải dầu 67
	Thời gian ra thóc Phút (Khoảng)			Thóc/Hạt cải dầu/Xung 65	Thóc 51 · Hạt cải dầu 60
	Tốc độ sấy %/giờ	Lúa thượng phẩm		Thóc/Lúa mì/Hạt cải dầu 0.5~1.2 · Xung/Ngô 1.0~2.0	0.5~1.2
	Lúa giống		Thóc/Lúa mì 0.2~1.0·Hạt cải dầu 0.1~0.5		
Điện áp				3Pha, 220V/380V/415V/440V, 50/60Hz	
Các bộ phận an toàn				Role nhiệt, Đóng mở áp lực gió, Báo động khối lượng đầy, Đóng mở định kỳ, Cầu chì bảo vệ	Role nhiệt, Đóng mở áp lực gió, Báo động khối lượng đầy, Đóng mở định kỳ, Cầu chì bảo vệ, Cảm biến trực quy.

Hạng mục		Các dòng máy		CPR-165S-7	CPR-165S-12
Nguyên liệu đốt				Sấy hơi	
Công suất kg (Khoảng)	Thóc	1 Lít=560 gram		6,500~13,250	
	Hạt cải dầu	1 Lít=680 gram			
	Lúa mì	1 Lít=680 gram		7,500~16,320	
	Xung, Ngô	1 Lít=690 gram		7,500~16,350	
Kích thước máy Dài×Rộng×Cao (A)×(B)×(C) mm	Không gồm máy CL-10		4,820×2,890×9,671		5,160×2,890×9,671
	Gồm máy CL-10	Dạng nằm	7,825×2,890×9,671		8,165×2,890×9,671
Trọng lượng máy kg (Khoảng)	Không gồm máy CL-10		3,520		3,620
	Gồm máy CL-10	Dạng nằm	4,068		4,168
Điện năng tiêu thụ kW	Không gồm máy CL-10		6.2		
	Gồm máy CL-10		10		
Tính năng	Thời gian vào thóc Phút (Khoảng)		Thóc 66 · Hạt cải dầu/Xung 60		
	Thời gian ra thóc Phút (Khoảng)		Thóc/Hạt cải dầu/Xung 65		
	Tốc độ sấy %/giờ	Lúa thượng phẩm	Thóc/Lúa mì/Hạt cải dầu 0.5~1.2 · Xung/Ngô 1.0~2.0		
		Lúa giống	Thóc/Lúa mì 0.2~1.0 · Hạt cải dầu 0.1~0.5		
Khu vực thích hợp sử dụng				Đới nóng	Vùng lạnh, Lạnh lẽo
Ngũ cốc thích hợp sử dụng				Thóc/Hạt cải dầu/Lúa mì	Thóc/Hạt cải dầu/Lúa mì/Xung/Ngô
Nhiệt độ gia tăng nhiệt độ môi trường (Khoảng)				+15~50°C	+15~63°C
Kích thước, thông số lò hơi Tấn/giờ (Khoảng)				0.6	0.8
Áp suất lò hơi cung cấp kg/cm² (Khoảng)				7	
Điện áp				3Pha, 220V/380V/415V/440V, 50/60Hz	
Các bộ phận an toàn				Role nhiệt, Đóng mở áp lực gió, Bảo động khối lượng đầy, Đóng mở định kỳ, Cầu chì bảo vệ	